

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

Đã được soát xét



CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
Báo cáo tài chính riêng 06 tháng đầu năm 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 30

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “ Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cho đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, Công ty Cổ phần Hải Minh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi đến lần thứ 10 số 0302525162 vào ngày 21 tháng 01 năm 2010.

- **Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng).

Số lượng cổ phiếu: 10.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động chính**

Địa chỉ : Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-08) 3943 5447

Fax : (84-08) 3943 5466

Mã số thuế : 0302525162

Mã chứng khoán **HMH**

Địa chỉ và trụ sở các Công ty con và Công ty liên kết

Công ty con

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Địa chỉ : Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận An Hải, TP. Hải Phòng.

Mã số thuế : 0200822416

Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng

Địa chỉ : Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại : 0313979946

Mã số thuế : 0200859007

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam

Địa chỉ : Số 1 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 39.435.440

Fax : (84-8) 39.435.441

Mã số thuế : 0303901733

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Công ty liên kết

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Mã số thuế : 0 1 0 2 1 1 7 5 7 5

Điện thoại : (84 4) 39 33 11 99

Fax : (84 4) 39 33 19 19

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh:

Địa chỉ : Số 1 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 - 08) 3826 7654

Fax : (84 - 08) 3943 5498

Mã số thuế : 0 3 1 0 3 1 6 1 3 0

Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh:

Địa chỉ : KM 0+200, Đường Đinh Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành Phố Hải Phòng

Mã số thuế : 0 2 0 1 2 4 2 4 6 4

- **Hoạt động chính của Công ty:** Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>STT</u>	<u>Tên Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>
1.	Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch
2.	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Ủy viên
3.	Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên
4.	Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên
5.	Bà Nguyễn Mỹ Hải	Ủy viên

Ban kiểm soát

1.	Ông Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban kiểm soát
2.	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên
3.	Ông Triệu Đình Trung	Thành viên

Ban Giám đốc

1.	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Giám đốc
2.	Ông Nguyễn Thế Hưng	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).

Sự kiện sau ngày kết thúc sau niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2012 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Công bố của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc.



NGUYỄN QUỐC HÙNG – Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 07 năm 2012

Số: 0037/2012/BCKQ SX-KTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

**Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012, được lập ngày 23 tháng 7 năm 2012, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công tác soát xét của Chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

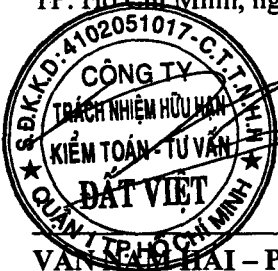
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến về công tác soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét toàn bộ Báo cáo tài chính, Chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2012



VĂN KHUẾ HAI - Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0787/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Maõ số	Thuyết minh	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		37.367.542.394	55.279.159.440
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	23.611.904.977	34.859.981.759
1. Tiền		111		4.611.904.977	2.859.981.759
2. Các khoản tương đương tiền		112		19.000.000.000	32.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		2.800.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn		121	V.2	2.800.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		10.092.238.551	19.623.466.805
1. Phải thu khách hàng		131		8.499.156.125	15.962.042.588
2. Trả trước cho người bán		132	V.3	208.300.000	2.298.811.668
3. Các khoản phải thu khác		135		1.384.782.426	1.362.612.549
IV. Hàng tồn kho		140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		863.398.866	795.710.876
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.4	202.516.724	121.207.823
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		328.471.879	390.857.176
3. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.5	332.410.263	283.645.877
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		103.926.947.338	72.959.708.186
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
II. Tài sản cố định		220		19.266.473.215	16.760.214.935
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.6	19.266.473.215	16.760.214.935
Nguyên giá		222		30.886.363.851	27.284.208.977
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(11.619.890.636)	(10.523.994.042)
2. Tài sản cố định vô hình		227	V.7	-	-
Nguyên giá		228		17.000.000	17.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(17.000.000)	(17.000.000)
III. Bất động sản đầu tư		240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		83.611.130.220	54.640.094.357
1. Đầu tư vào Công ty con		251	V.8	50.810.182.500	41.453.764.357
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh		252	V.9	26.000.947.720	6.386.330.000
3. Đầu tư dài hạn khác		258	V.10	6.800.000.000	6.800.000.000
Tài sản dài hạn khác		260		1.049.343.903	1.559.398.894
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.11	833.663.045	1.343.718.036
2. Tài sản dài hạn khác		268	V.12	215.680.858	215.680.858
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		141.294.489.732	128.238.867.626

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

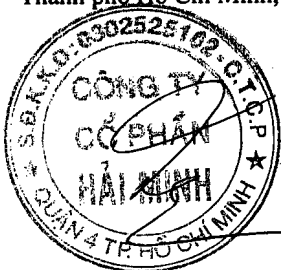
Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		16.643.266.950	24.263.726.058
I. Nợ ngắn hạn	310		16.516.893.897	24.134.153.005
1. Phải trả người bán	312	V.14	10.419.042.564	16.001.995.603
2. Người mua trả tiền trước	313	V.14	10.873.134	5.589.260
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	2.795.347.768	2.067.459.859
4. Phải trả người lao động	315		838.905.196	432.869
5. Chi phí phải trả	316	V.14	12.418.400	16.450.000
6. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	296.484.652	5.544.093.465
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.15	899.676.126	97.186.826
8. Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	323	V.15	1.244.146.057	400.945.123
II. Nợ dài hạn	330		126.373.053	129.573.053
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		126.373.053	129.573.053
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		124.651.222.782	103.975.141.568
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	124.651.222.782	103.975.141.568
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		73.574.960.000	73.574.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.928.510.000	1.928.510.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(4.571.898.630)	(4.571.898.630)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		742.424.655	742.424.655
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.244.736.869	3.037.050.069
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		48.732.489.888	29.264.095.474
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		141.294.489.732	128.238.867.626


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
Ngoại tệ các loại:			
- Dollar Mỹ (USD)		5.570,10	90.372,12
- Dollar Singapore (SGD)		-	402,50

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 07 năm 2012



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc


NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

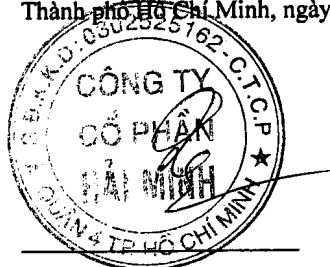
6 tháng đầu Năm 2012

(Có so sánh với số liệu năm 6 tháng đầu Năm 2011)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu Năm 2012	6 tháng đầu Năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	17.381.379.509	16.872.901.370
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		17.381.379.509	16.872.901.370
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	11.510.977.298	10.830.258.017
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.870.402.211	6.042.643.353
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	26.427.933.335	23.542.051.062
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	12.944.640	68.542.613
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8 Chi phí quản lý kinh doanh	24	VI.5	2.349.540.468	2.226.986.215
9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.935.850.438	27.289.165.587
10 Thu nhập khác	31	VI.6	411.376.026	1.220.000.000
11 Chi phí khác	32	VI.6	270.333.787	205.334.603
12 Lợi nhuận khác	40	VI.6	141.042.239	1.014.665.397
13 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.076.892.677	28.303.830.984
14 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.7	1.012.516.207	1.652.241.286
15 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>29.064.376.470</u>	<u>26.651.589.698</u>
<i>Trong đó</i>				
<i>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</i>			<u>7.142.396</u>	<u>5.524.420</u>
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>		VI.8	<u>4.069,28</u>	<u>4.824,32</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 07 năm 2012



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HƯNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu Năm 2012	6 tháng đầu Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		30.076.892.677	28.303.830.984
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.693.956.468	1.786.641.818
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(124.189)	48.526.303
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26.350.334.824)	(23.479.132.564)
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		5.420.390.132	6.659.866.541
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.609.119.539	3.226.494.648
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(10.556.610.043)	(2.036.649.576)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		428.746.090	208.231.987
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(678.244.528)	(1.248.940.249)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		2.223.401.190	6.809.003.352
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.470.548.535)	(74.382.727)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		310.909.091	-
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(24.614.617.720)	(2.875.523.193)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.657.835.003	16.833.525.220
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(13.116.422.161)	13.883.619.300
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(2.670.377.835)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(355.180.000)	(4.559.753.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(355.180.000)	(7.230.131.435)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		(11.248.200.971)	13.462.491.217
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		34.859.981.759	24.365.274.487
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		124.189	(48.526.303)
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	V.1	23.611.904.977	37.779.239.400

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 07 năm 2012



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu Năm 2012

MẪU B 09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.
- Công ty con, Công ty liên kết**

<u>Stt</u>	<u>Tên Công ty</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>
<u>Công ty con</u>		
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	96,08%
2	Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	100%
3	Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	55,29%
<u>Công ty liên kết</u>		
1	Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	49,00%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	49,00%
3	Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	47,12%

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 64 người.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

6 tháng đầu Năm 2012 là kỳ kế toán thuộc năm tài chính thứ 11 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD

Ngày 30/06/2012: 20.828 VND/USD

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty liên kết hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền kiểm soát việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

4. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

5. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào một Công ty mà phần góp vốn của Công ty chiếm dưới 20% vốn chủ sở hữu của Công ty đó.

6. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

7. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

10. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

11. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là website của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thi công mặt bằng và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 1 đến 3 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

14. Nguồn vốn kinh doanh - Các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty dùng để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động tại Công ty theo quy định hiện hành.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện xong và có xác nhận của khách hàng về dịch vụ đã thực hiện.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
Tiền		
(a) Tiền mặt	195.349.651	315.753.391
Tiền VND	165.982.171	279.950.963
SGD quy đổi VND	-	6.434.948
USD quy đổi VND	29.367.480	29.367.480
(b) Tiền gửi ngân hàng	23.416.555.326	34.544.228.368
Tiền VND	4.329.908.763	691.283.158
Cty CP chứng khoán ANPHA-APSC	9.113.713	9.113.713
Cty TNHH chứng khoán NHNN&PTNT	1.258.312	1.258.312
NH BIDV	3.321.054.952	168.191.322
NH TMCP Hàng Hải (MSB)	991.738.317	506.053.761
NH TNHH Indovina (IVB)	6.743.469	6.666.050
Tiền USD quy đổi sang VND	86.646.563	1.852.945.210
NH BIDV	7.729.063	85.348.213
NH TMCP Hàng Hải (MSB)	1.636.664	1.751.236.215
NH TNHH Indovina (IVB)	77.280.836	16.360.782
Cộng tiền	4.611.904.977	2.859.981.759
Các khoản tương đương tiền (*)	19.000.000.000	32.000.000.000
NH BIDV	-	4.000.000.000
NH TMCP Phát triển Mê Kông - CN Tp.HCM	1.000.000.000	-
NH TMCP Hàng Hải (MSB)	16.000.000.000	18.000.000.000
NH VID Public - SGD Hà Nội	2.000.000.000	10.000.000.000
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	23.611.904.977	34.859.981.759

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng lãi suất 9-13%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
Tiền gửi NH TMCP Hàng Hải (MSB) kỳ hạn 6-12 tháng	2.800.000.000	-
Cộng	2.800.000.000	-

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu khách hàng	8.499.156.125	15.962.042.588
Trả trước cho người bán	208.300.000	2.298.811.668
Phải thu khác	1.384.782.426	1.362.612.549
Cộng	10.092.238.551	19.623.466.805

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số 01/01/2012	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số 30/06/2012
Chi phí bảo hiểm	23.010.772	185.822.850	69.466.484	139.367.138
Chi phí sửa chữa	80.705.384	37.100.000	79.651.217	38.154.167
Chi phí công cụ dụng cụ	17.491.667	19.635.000	12.131.248	24.995.419
Chi phí thuê nhà, mặt bằng	-	1.022.680.969	1.022.680.969	-
Chi phí khác	-	43.500.000	43.500.000	-
Cộng	121.207.823	1.308.738.819	1.227.429.918	202.516.724

5. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng	332.410.263	283.645.877
Cộng	332.410.263	283.645.877

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
I. Nguyên giá			
1. Số 01/01/2012	27.006.454.504	277.754.473	27.284.208.977
2. Tăng trong kỳ	4.459.203.080	11.345.455	4.470.548.535
3. Giảm trong kỳ	868.393.661		868.393.661
4. Số 30/06/2012	30.597.263.923	289.099.928	30.886.363.851
II. Hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	10.392.141.879	131.852.163	10.523.994.042
2. Tăng trong kỳ	1.657.864.594	36.091.874	1.693.956.468
3. Giảm trong kỳ	598.059.874		598.059.874
4. Số 30/06/2012	11.451.946.599	167.944.037	11.619.890.636
III. Giá trị còn lại			
1. Số 01/01/2012	16.614.312.625	145.902.310	16.760.214.935
2. Số 30/06/2012	19.145.317.324	121.155.891	19.266.473.215
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
1. Tại 01/01/2012	941.733.810	68.765.109	1.010.498.919
2. Tại 30/6/2012	941.733.810	68.765.109	1.010.498.919

7. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Số 01/01/2012</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>Số 30/06/2012</i>
I. Nguyên giá	17.000.000	-	-	17.000.000
II. Hao mòn lũy kế	17.000.000	-	-	17.000.000
III. Giá trị còn lại	-	-	-	-

8. Đầu tư vào Công ty con

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số dư 30/06/2012</i>	<i>Số dư 01/01/2012</i>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<i>24.500.000.000</i>	<i>24.500.000.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<i>25.000.000.000</i>	<i>15.643.581.857</i>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<i>1.310.182.500</i>	<i>1.310.182.500</i>
Cộng	50.810.182.500	41.453.764.357

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần vốn sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Thành phố Hải Phòng	96,08%	96,08%	24.500.000.000	Dịch vụ Tiếp vận
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng (*)	Thành phố Hải Phòng	100%	100%	25.000.000.000	Dịch vụ Tiếp vận
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	55,29%	55,29%	1.310.182.500	Dịch vụ Tiếp vận
Cộng				50.810.182.500	

(*) Trong 6 tháng đầu năm 2012, Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng số tiền 9.356.418.143 VND, nâng tổng mức vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng từ 15.643.581.857 VND lên 25.000.000.000 VND.

Thu nhập phát sinh từ các khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận:

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Từ Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	5.614.819.083	2.673.528.370
Từ Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	4.864.105.820	3.480.495.664
Từ Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	172.999.614	250.000.000
Cộng	10.651.924.517	6.404.024.034

9. Đầu tư vào Công ty liên kết

Chỉ tiêu	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	3.902.030.000	3.902.030.000
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	6.040.435.800	2.484.300.000
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	16.058.481.920	-
Cộng	26.000.947.720	6.386.330.000

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên công liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần vốn sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	Thành phố Hà Nội	49%	49%	3.902.030.000	Dịch vụ Tiếp vận
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	49%	49%	6.040.435.800	Dịch vụ Tiếp vận
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh (**)	Thành phố Hải Phòng	47,12%	47,12%	16.058.481.920	Dịch vụ Tiếp vận
Cộng				26.000.947.720	

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Trong 6 tháng đầu năm 2012, Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh số tiền 3.556.135.800 VND, nâng tổng mức vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh từ 2.484.300.000 VND lên 6.040.435.800 VND.

(**) Trong 6 tháng đầu năm 2012, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh số tiền 16.058.481.920 VND.

Thu nhập phát sinh từ các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận:

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Từ Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	14.043.596.000	15.379.710.994
Từ Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	-	-
Từ Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	-	-
Cộng	14.043.596.000	15.379.710.994

10. Đầu tư dài hạn khác

Chỉ tiêu	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
<i>Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An</i>	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển</i>	1.800.000.000	1.800.000.000
Cộng	6.800.000.000	6.800.000.000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần vốn sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Thành phố Hà Nội	4%	4%	5.000.000.000	Vận tải hàng hóa
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	Thành phố Hồ Chí Minh	10%	10%	1.800.000.000	Dịch vụ Tiếp vận
Cộng				6.800.000.000	

Thu nhập phát sinh từ các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận:

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	400.000.000	-
Từ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	-	-
Cộng	400.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số 01/01/2012	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào phí	Số 30/06/2012
Chi phí sửa chữa	90.800.797	-	32.854.945	57.945.852
Chi phí thiết kế văn phòng	88.989.296	-	88.989.296	-
Chi phí công cụ dụng cụ	60.569.191	-	20.424.500	40.144.691
Chi phí thi công mặt bằng bãi Rạch Chiếc	1.103.358.752	-	367.786.250	735.572.502
Cộng	1.343.718.036	-	510.054.991	833.663.045

12. Tài sản dài hạn khác

	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
Ký quỹ thuê văn phòng	215.680.858	215.680.858
Cộng	215.680.858	215.680.858

13. Thuế và các khoản phải nộp khác

Stt	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp 01/01/2012	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp 30/06/2012
I.	Thuế	2.067.459.859	2.623.806.635	1.895.918.726	2.795.347.768
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.953.948.372	1.012.516.207	678.244.528	2.288.220.051
3.	Các loại thuế khác	113.511.487	1.611.290.428	1.217.674.198	507.127.717
	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>17.746.899</i>	<i>1.046.788.845</i>	<i>662.817.533</i>	<i>401.718.211</i>
	<i>Thuế nhà Thuế</i>	<i>95.764.588</i>	<i>561.501.583</i>	<i>551.856.665</i>	<i>105.409.506</i>
	<i>Thuế môn bài</i>	<i>-</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	<i>-</i>
	Tổng cộng	2.067.459.859	2.623.806.635	1.895.918.726	2.795.347.768

• **Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty áp dụng Luật thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.
- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng : 10% dịch vụ trong nước
0% dịch vụ cước vận tải quốc tế

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh số VI.7)

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Các khoản phải trả ngắn hạn

	<u>Số dư</u> <u>30/06/2012</u>	<u>Số dư</u> <u>01/01/2012</u>
Phải trả người bán	10.419.042.564	16.001.995.603
Người mua trả tiền trước	10.873.134	5.589.260
Chi phí phải trả	12.418.400	16.450.000
Phải trả khác	296.484.652	5.544.093.465

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập</u> <u>từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong</u> <u>năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ phúc lợi	97.186.826	2.012.811.300	1.210.322.000	899.676.126
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	400.945.123	6.020.200.935	5.177.000.001	1.244.146.057
Cộng	<u>498.131.949</u>	<u>8.033.012.235</u>	<u>6.387.322.001</u>	<u>2.143.822.183</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

16. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	56.163.800.000	19.339.670.000	(1.901.520.795)	742.424.655	1.880.650.069	20.730.972.819	96.955.996.748
Tăng vốn trong năm trước	17.411.160.000	-	-	-	-	-	17.411.160.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	31.621.415.584	31.621.415.584
Tăng khác	-	-	(2.670.377.835)	-	-	-	(2.670.377.835)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(19.619.092.929)	(19.619.092.929)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.156.400.000	(3.469.200.000)	(2.312.800.000)
Giảm khác	-	(17.411.160.000)	-	-	-	-	(17.411.160.000)
Số dư cuối năm trước	73.574.960.000	1.928.510.000	(4.571.898.630)	742.424.655	3.037.050.069	29.264.095.474	103.975.141.568
Số dư đầu năm nay	73.574.960.000	1.928.510.000	(4.571.898.630)	742.424.655	3.037.050.069	29.264.095.474	103.975.141.568
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm kỳ	-	-	-	-	-	29.064.376.470	29.064.376.470
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(355.180.000)	(355.180.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.207.686.800	(9.240.699.035)	(8.033.012.235)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(103.021)	(103.021)
Số dư cuối kỳ	73.574.960.000	1.928.510.000	(4.571.898.630)	742.424.655	4.244.736.869	48.732.489.888	124.651.222.782

Việc phân phối quỹ căn cứ vào Biên bản họp Đại hội Cổ Đông thường niên năm 2012 ngày 25 tháng 03 năm 2012.

Mức trích lập như sau:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
Chi trả cổ tức 2011	Chi trả 20% cổ tức ưu đãi Năm 2011 cho TTK Global Resources Ptd, Ltd	355.180.000
Quỹ dự phòng tài chính	3% LN hợp nhất	1.207.686.800
Quỹ khen thưởng phúc lợi	5% LN hợp nhất	2.012.811.300
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	5% LN hợp nhất	2.012.811.300
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	10% phần LN vượt trong 5 năm nhiệm kỳ 2007-2011	4.007.389.635
Cộng		9.595.879.035

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Hội đồng quản trị Công ty công bố chia một phần lợi nhuận chưa phân phối của Công ty với số tiền là 9.595.879.035 VND (năm 2011: 23.088.292.929 VND). Trong kỳ, Công ty đã thanh toán cho TTKGlobal Resources Ptd, Ltd số lợi nhuận là: 355.180.000 VND.

Cổ phiếu

Chi tiêu	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.142.396	7.227.296
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.142.396	7.095.006
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	177.590
- Cổ phiếu quỹ	215.100	215.100
- Số lượng cổ phiếu được bán ra	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Tổng cộng	7.357.496	7.357.496
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.142.396	7.272.596
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.142.396	7.095.006
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	177.590

(*) *Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.*

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
1. Doanh thu bán hàng		
Doanh thu dịch vụ vận tải	5.560.112.685	6.844.671.778
Khai thác cảng	4.955.331.560	4.837.173.442
Dịch vụ đại lý	6.808.439.873	5.110.829.277
Doanh thu dịch vụ khác	57.495.391	80.226.873
Cộng	17.381.379.509	16.872.901.370
2. Giá vốn hàng bán		
Vận tải đường sông	5.751.932.315	6.525.561.943
Khai thác cảng - Kiểm đếm, giao nhận	3.857.246.122	2.621.652.903
Dịch vụ đại lý	1.901.798.861	1.683.043.171
Cộng	11.510.977.298	10.830.258.017
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi đầu tư từ Công ty liên kết	14.043.596.000	15.379.710.994
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.214.239.003	1.270.493.417
Chênh lệch tỷ giá thanh toán	118.049.626	425.914.220
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	124.189	61.908.397
Lãi đầu tư từ Công ty con	10.651.924.517	6.404.024.034
Lãi đầu tư từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	400.000.000	-
Cộng	26.427.933.335	23.542.051.062
4. Chi phí tài chính		
Chênh lệch tỷ giá thanh toán	12.944.640	68.542.613
Cộng	12.944.640	68.542.613
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	1.041.438.362	894.075.021
Chi phí vật liệu quản lý	43.650.000	43.647.750
Chi phí đồ dùng văn phòng	84.051.494	52.188.475
Chi phí khấu hao TSCĐ	87.381.266	88.004.435
Thuế, phí, lệ phí	22.856.154	22.156.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	852.554.921	955.050.180
Chi phí bằng tiền khác	217.608.271	171.863.695
Cộng	2.349.540.468	2.226.986.215

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Thanh lý tài sản cố định	310.909.091	1.220.000.000
Thu khoản nợ không xác định được chủ nợ	100.466.935	-
Thu nhập khác	411.376.026	1.220.000.000
Thanh lý tài sản cố định	270.333.787	205.334.603
Chi phí khác	270.333.787	205.334.603
Lợi nhuận từ hoạt động khác	141.042.239	1.014.665.397

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	30.076.892.677	28.303.830.984
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(25.095.520.517)	(21.694.865.838)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	25.095.520.517	21.783.735.028
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	88.869.190
Thu nhập chịu thuế	4.981.372.160	6.608.965.146
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	1.245.343.040	1.652.241.286
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị quyết 13/2012	232.826.833	-
Bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính trong kỳ	1.012.516.207	1.652.241.286

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

6 tháng đầu Năm 2012, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 03 năm 2012 của Bộ Tài chính đối với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	7.142.396
Số lượng cổ phiếu bán ra trong kỳ	-
Số lượng cổ phiếu mua vào trong kỳ	-
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	7.142.396
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	29.064.376.470
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.069,28

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu Năm 2012
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.818.580.939
Chi phí nhân công	4.393.379.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.046.005.573
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.642.396.364
Chi phí khác bằng tiền	935.064.503
Cộng	13.835.426.857

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Tiền dùng để mua sắm/ xây dựng tài sản cố định trong năm bao gồm số tiền liên quan đến tài sản cố định mua sắm/ xây dựng còn nợ năm trước đã được thanh toán trong năm nay:

	6 tháng đầu Năm 2012
Mua sắm/ xây dựng tài sản còn nợ năm trước đã được thanh toán trong năm nay	1.968.181.817
Cộng	1.968.181.817

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	Công ty con
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty liên kết
C.ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu Năm 2012	6 tháng đầu Năm 2011
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam</i>		
Phải trả tiền Thuê phương tiện vận tải	868.680.000	184.576.500
Phải thu khoản lợi nhuận được chia từ LD Hoàng Nam	172.999.614	521.460.994
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>		
Doanh thu từ Công ty con Tiếp vận Nam Phát	5.614.819.083	2.673.528.370

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	<u>6 tháng đầu Năm 2012</u>	<u>6 tháng đầu Năm 2011</u>
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng		
Doanh thu từ Công ty con Hải Minh Hải Phòng	5.614.819.083	3.480.495.664
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	3.070.749.866	1.917.885.000
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM		
Doanh thu giao nhận (thu hộ SAMUDERA)	15.238.139.474	10.843.739.917
Nhận lợi nhuận 2011 từ liên doanh "K" Line	14.043.596.000	15.155.700.000
Tại ngày 30/06/2012, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số 30/06/2012</u>	<u>Số 01/01/2012</u>
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam		
Phải thu	388.022.825	532.284.494
Phải trả	152.740.000	70.806.500
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát		
Phải thu	650.195.083	-
Phải trả	3.484.000	2.368.680
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	41.075.677	-
Phải thu	-	116.612.000
Phải trả		
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Phải thu	1.266.314.866	264.908.200
C. ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM		
Phải thu	2.841.244.999	2.247.094.074

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	<u>6 tháng đầu Năm 2012</u>
Tiền lương	6.548.357.535
Cộng	<u>6.548.357.535</u>

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ Tiếp vận và trong một khu vực địa lý là Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số 30/06/2012</u>	<u>Số 01/01/2012</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.611.904.977	34.859.981.759
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.800.000.000	-
Phải thu khách hàng	8.499.156.125	15.962.042.588
Các khoản phải thu khác	1.384.782.426	1.362.612.549
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	6.800.000.000
Ký quỹ dài hạn	215.680.858	215.680.858
Cộng	<u>43.311.524.386</u>	<u>59.200.317.754</u>
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	10.419.042.564	16.001.995.603
Chi phí phải trả	12.418.400	16.450.000
Các khoản phải trả khác	296.484.652	5.544.093.465
Cộng	<u>10.727.945.616</u>	<u>21.562.539.068</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Do Công ty hoạt động kinh chính chính ở Bộ phận vận chuyển (vận chuyển du khách và hàng hóa bằng phương tiện cáp treo, máng trượt, xe lửa), cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thu tiền ngay, công nợ phải thu không đáng kể, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khoản phải thu khách hàng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Số 30/06/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	10.419.042.564	-	-	10.419.042.564
Chi phí phải trả	12.418.400	-	-	12.418.400
Các khoản phải trả khác	296.484.652	-	-	296.484.652
Cộng	10.727.945.616	-	-	10.727.945.616

Số 01/01/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	16.001.995.603	-	-	16.001.995.603
Chi phí phải trả	16.450.000	-	-	16.450.000
Các khoản phải trả khác	5.544.093.465	-	-	5.544.093.465
Cộng	21.562.539.068	-	-	21.562.539.068

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Số 30/06/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.611.904.977	-	-	23.611.904.977
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000
Phải thu khách hàng	8.499.156.125	-	-	8.499.156.125
Các khoản phải thu khác	1.384.782.426	-	-	1.384.782.426
Tài sản ngắn hạn khác	332.410.263	-	-	332.410.263
Đầu tư dài hạn khác	-	-	6.800.000.000	6.800.000.000
Ký quỹ dài hạn	-	215.680.858	-	215.680.858
Cộng	36.628.253.791	215.680.858	6.800.000.000	43.643.934.649

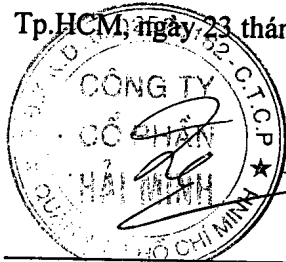
Số 01/01/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.859.981.759	-	-	34.859.981.759
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	15.962.042.588	-	-	15.962.042.588
Các khoản phải thu khác	1.362.612.549	-	-	1.362.612.549
Tài sản ngắn hạn khác	283.645.877	-	-	283.645.877
Đầu tư dài hạn khác	-	-	6.800.000.000	6.800.000.000
Ký quỹ dài hạn	-	215.680.858	-	215.680.858
Cộng	52.468.282.773	215.680.858	6.800.000.000	59.483.963.631

4. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm 2012 của Công ty được thể hiện theo số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Đất Việt.

Tp.HCM, ngày 23 tháng 07 năm 2012



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng